

Biên Hòa, ngày 04 tháng 5 năm 2023

Số: 691/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2114/2020/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tiên T**, sinh năm 1974.

- Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Mỹ H**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: tổ M, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tiên T và bà Hoàng Thị Mỹ H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiên T và bà Hoàng Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Mỹ L, sinh ngày 17/4/2002 và Nguyễn Tiên D, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn, cháu Mỹ L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông T và bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Ông T, bà H thoả thuận giao

cháu Tiên D cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tiến T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tiến T và bà Hoàng Thị Mỹ H thỏa thuận:

+ Giao quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất (căn nhà có diện tích 96 m², có kết cấu 01 trệt, 02 lầu, tường gạch, mái ngói) có tổng diện tích 233 m², thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ 84, tọa lạc tại tổ M, Khu phố M, Phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 38xx37 ngày 08/4/2015 cho bà Hoàng Thị Mỹ H quản lý, sử dụng. Vị trí và ranh mốc theo Bản đồ hiện trạng khu đất số 14437/2022 ngày 30/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa.

Nhà và đất có giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 81/TĐG-CT ngày 23/3/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến là 3.728.864.400 đồng (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*).

+ Giao phần đất có diện tích 183,75 m² (ngang 7,5m, dài 24,5m) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp bốn xây hết đất, thuộc một phần thửa đất số 117, tờ bản đồ số 77, tọa lạc tại số 949, ấp H, Phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) cho ông Nguyễn Tiến T quản lý, sử dụng. Vị trí và ranh mốc theo Bản đồ hiện trạng khu đất số 14438/2022 ngày 30/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa.

Nhà và đất có giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 81/TĐG-CT ngày 23/3/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến là 814.997.500 đồng (*Tám trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Giao 02 phần đất mỗi phần có diện tích 90 m², tổng cộng là 180 m² đất thuộc một phần thửa đất số 734, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại hẻm M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cho ông Nguyễn Tiến T quản lý, sử dụng. Vị trí và ranh mốc theo Bản đồ hiện trạng khu đất số 14434/2022 ngày 23/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa.

Đất có giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 81/TĐG-CT ngày 23/3/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến là 1.080.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đề nghị điều chỉnh quyền sở hữu đối với quyền sử dụng nhà ở và

quyền sử dụng đất, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Bà Hoàng Thị Mỹ H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tiến T giá trị tài sản chênh lệch số tiền là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện, ông T khai có nợ ông Nguyễn Tiến G số tiền 300.000.000 đồng và nợ bà Vũ Thị M 06 cây vàng 9999 và yêu cầu bà H cùng có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, những người cho vay đã lên Tòa làm việc, có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ chung của hai vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết. Ông Nguyễn Tiến G và bà Vũ Thị M có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về chi phí tố tụng: Ông T tự nguyện chịu chi phí thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ là 9.294.000 đồng (*Chín triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) và 44.000.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu đồng*) chi phí thẩm định giá tài sản. Ông T đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Tiến T tự nguyện nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006662/THA ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho ông T số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu trên.

+ Ông Nguyễn Tiến T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch là 34.424.962 đồng (*Ba mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng*), được trừ vào số tiền 43.050.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006661/THA ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho ông T số tiền 8.625.038 đồng (*Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn không trăm ba mươi tám đồng*) theo biên lai thu trên.

+ Bà Hoàng Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch là 53.288.644 đồng (*Năm mươi ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú